

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 35/2019/HS-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Hải.
2. Bà Chu Thị Đức.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị An - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Hồ Văn Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 17/5/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 10 năm 1987, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1958 và bà Phan Thị T, sinh năm 1959; Vợ Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/02/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 44/2009/HSST; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2019 đến ngày 19/3/2019, được tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: Đặng Anh D - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 3 năm 1989, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Anh S (chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1962; bố dượng Dương Xuân L, sinh năm 1958; Vợ Nguyễn Thị Lý A, sinh năm 1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/7/2014, bị Công an phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An xử phạt xử phạt vi phạm hành chính số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, thi

hành xong tiền phạt ngày 05/7/2014; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2019 đến ngày 19/3/2019, được tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: Đoàn H - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 02 tháng 11 năm 1993, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T (chết) và bà Mạch Thị Thúy H, sinh năm 1962; Vợ Trần Thùy L, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tiến M, sinh năm 1984.

Trú tại: Khối Đ, phường H, thị xã T, Nghệ An (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Lý A, sinh năm 1986.

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Thanh B - Sinh năm 1955.

Trú tại: Khối Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 5/2018, Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh D và Đoàn H bàn bạc thống nhất cùng góp vốn mỗi người 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để cho vay lãi nặng, lợi nhuận thu được chia đều cho 3 người. Núp bóng cơ sở cầm đồ 86 (xóm H, xã T, thị xã T) do Nguyễn Văn Đ làm chủ sở hữu, các đối tượng đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với các cá nhân cần vốn làm ăn, với mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm.

Ngày 13/01/2019 anh Nguyễn Tiến M đã đến cơ sở cầm đồ 86 gặp Nguyễn Văn Đ để vay tiền với hình thức vay tín chấp và viết giấy vay nợ số tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 20.600.000đ/230.000.000đ/1 tháng, tương đương mức lãi suất 8,9565%/1 tháng (107,478%/1 năm). Việc tính tiền lãi bắt đầu từ thời điểm vay (ngày 13/01/2019), mỗi tháng thanh toán một lần vào ngày 13 hàng tháng, khi nào Nguyễn Tiến M trả hết số tiền đã vay và cả số tiền lãi thì Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh D, Đoàn H thanh lý hợp đồng cho vay. Vào ngày 13 hàng tháng, Nguyễn Văn Đ là người chịu trách nhiệm thông báo cho Nguyễn Tiến M biết đã đến ngày trả tiền lãi. Ngày 13/2/2019 Đ dùng số điện thoại 0915868xxx gọi đến số 0981390xxx của Nguyễn Tiến M thông báo số tiền lãi tháng thứ nhất (từ ngày 13/01/2019 đến ngày 13/02/2019) với số tiền 20.600.000đ (hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 07/3/2019 và ngày 8/3/2019 Nguyễn Tiến M đến ngân hàng BIDV Chi nhánh P chuyển khoản tổng số tiền 20.600.000đ là số tiền lãi tháng thứ nhất đến số tài khoản 51310000399964 mang tên Nguyễn Thị Lý A (vợ của Đặng Anh D). Sau khi nhận được tiền của Nguyễn Tiến M chuyển, Đặng Anh D đi rút toàn bộ số tiền lãi này về rồi cùng Nguyễn Văn Đ và Đoàn H đi ăn uống hết 2.600.000đ (hai triệu, sáu

trăm nghìn đồng). Số tiền còn lại Đ, D và H chia nhau mỗi người 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Đến sáng ngày 13/3/2019, Nguyễn Văn Đ tiếp tục gọi điện thoại cho Nguyễn Tiến M thông báo số tiền lãi tháng thứ 2 (từ ngày 13/2/2019 đến 13/3/2019). Nguyễn Tiến M đã đến ngân hàng Agribank Tây Nghệ An chuyển khoản số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến số tài khoản 51310000399xxx mang tên Nguyễn Thị Lý A (vợ của Đặng Anh D). Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ cùng Đặng Anh D đến nhà anh Nguyễn Tiến M để lấy số tiền 10.600.000đ (mười triệu, sáu trăm nghìn đồng) là số tiền lãi còn lại. Quá trình Đ và D đang kiểm đếm số tiền đã nhận từ anh M thì bị Công an thị xã T kiểm tra, lập biên bản, thu giữ và niêm phong số tiền 10.600.000đ trên.

Tổng số tiền lãi mà Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh D, Đoàn H thu được từ Nguyễn Tiến M (từ thời điểm vay ngày 13/01/2019 đến ngày 13/03/2019) là 41.200.000đ (bốn mươi một triệu, hai trăm nghìn đồng). Số tiền lãi hợp pháp tính theo lãi suất 20%/năm (mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 BLDS) là: $230.000.000đ \times 1,666666\% \times 02 \text{ tháng} = 7.666.663đ$ (bảy triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng). Như vậy, các đối tượng Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh D, Đoàn H đã thu lợi bất chính số tiền: $41.200.000đ - 7.666.663đ = 33.533.337đ$ (ba mươi ba triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 38/CT-VKS ngày 16 tháng 5 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh D, và Đoàn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 - BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) đến 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 - BLHS: Xử phạt bị cáo Đặng Anh D từ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đến 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 - BLHS: Xử phạt bị cáo Đoàn H từ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đến 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 - BLTTHS: Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.600.000đ (mười triệu, sáu trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đặng Anh D; tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A5, màu đen, số IMEI 357558/06/70346215, gắn sim 0966052xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Đặng Anh D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, màu vàng trắng, số IMEI 352810/09/309935/2, gắn sim 0984868xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE

7PLUS, màu đen, số IMEI 355372080412608, gắn sim 0979709xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Đoàn H do các bị cáo dùng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Lý A 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV có số tài khoản 51310000399964, mang tên Nguyễn Thị Lý A, thu giữ của Đặng Anh D.

Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Truy thu từ các bị cáo tổng số tiền thu lợi bất chính còn lại là 22.933.337đ (hai mươi hai triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng).

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh D, Đoàn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Các bị cáo không tranh luận về tội danh cũng như mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản sự việc lập hồi 13 giờ 15 phút, ngày 13/3/2019, tại khối Đ, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An và các vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được trong khoảng thời gian từ ngày 13/01/2019 đến ngày 13/03/2019, Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh D, Đoàn H đã thực hiện một giao dịch dân sự cho anh Nguyễn Tiến M vay số tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng), với mức lãi suất 107,478%/năm (vượt gấp 5,373 lần mức lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015), thu lợi bất chính số tiền 33.533.337đ (ba mươi ba triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng), nên hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 201 - Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tích

chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng. Gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, nhưng bị cáo Đ là người trực tiếp đứng ra nhận tiền góp vốn của các bị cáo D và H, đồng thời là người trực tiếp đứng ra thực hiện giao dịch cho vay lãi nặng. Do đó bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò đầu trong vụ án. Đối với các bị cáo D và H đã có hành vi góp vốn chung với bị cáo Đ để bị cáo Đ cho vay lãi nặng và chia lợi nhuận. Do đó các bị cáo D và H phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò sau bị cáo Đ.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng: Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo Đ và bị cáo D đều có nhân thân xấu, bị cáo Đ đã từng bị kết án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo D đã từng bị Công an phường H, thị xã T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học tự răn đe, giáo dục, rèn luyện bản thân mà lại phạm tội. Điều đó chứng tỏ các bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật nên cần xét xử nghiêm để cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo Đ trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Mặt khác bị cáo hiện đang là người trực tiếp thờ cúng ông bà nội của bị cáo là người có công với cách mạng và đang thờ cúng bác ruột của bị cáo là liệt sỹ. Do đó cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo D, H đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Bị cáo H sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó cần cho bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự. Bị cáo H hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, kết hợp với việc xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền theo quy định tại điều 35 - BLHS, cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo đã bị

áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Gồm 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A5, màu đen, số IMEI 357558/06/70346215, gắn sim 0966052xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Đặng Anh D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, màu vàng trắng, số IMEI 352810/09/309935/2, gắn sim 0984868xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7PLUS, màu đen, số IMEI 355372080412608, gắn sim 0979709xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Đoàn H mà các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước và tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.600.000đ (mười triệu, sáu trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đặng Anh D theo điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS:

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Lý A 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV có số tài khoản 51310000399xxx, mang tên Nguyễn Thị Lý A do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo theo khoản 2 Điều 47 - BLHS; khoản 3 Điều 106 - BLTTHS.

Các vật chứng khác Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Biện pháp tư pháp: Truy thu từ các bị cáo tổng số tiền thu lợi bất chính còn lại là 22.933.337đ (hai mươi hai triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng), cụ thể:

Truy thu từ bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 7.644.445đ (bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Truy thu từ bị cáo Đặng Anh D số tiền 7.644.445đ (bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Truy thu từ bị cáo Đoàn H số tiền 7.644.445đ (bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

[8] Đối với Nguyễn Thị Lý A là người đứng tên thẻ ATM thuộc ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh P số tài khoản 51310000399xxx. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được Nguyễn Thị Lý A không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của các bị cáo, do đó Nguyễn Thị Lý A không phạm tội.

9] Trong vụ án này các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh D và Đoàn H đã thông qua một giao dịch dân sự cho anh Nguyễn Tiến M vay tổng số tiền là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Xét đây là giao dịch dân sự hợp pháp, số tiền gốc, lãi theo quy định tại Điều 468 - Bộ luật dân sự, do đó các bên tự định đoạt theo quy định của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 35 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Đ 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 35 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Đặng Anh D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền bị cáo Đặng Anh D 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 35 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Đoàn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt tiền bị cáo Đoàn H 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - BLHS; điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 10.600.000đ (mười triệu, sáu trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đặng Anh D; Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A5, màu đen, số IMEI 357558/06/70346215, gắn sim 0966052xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Đặng Anh D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, màu vàng trắng, số IMEI 352810/09/309935/2, gắn sim 0984868xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Đ; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7PLUS, màu đen, số IMEI 355372080412608, gắn sim 0979709xxx, đã qua sử dụng thu giữ của Đoàn H do các bị cáo dùng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Lý A 01 (một) thẻ ATM ngân hàng BIDV có số tài khoản 51310000399xxx, mang tên Nguyễn Thị Lý A.

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo Ủy nhiệm chi lập ngày 20/5/2019 vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà và biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa Công an thị xã Thái Hoà và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

[6] Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 - BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Truy thu từ các bị cáo tổng số tiền thu lợi bất chính còn lại là 22.933.337đ (hai mươi hai triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng), cụ thể:

Truy thu từ bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 7.644.445đ (bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Truy thu từ bị cáo Đặng Anh D số tiền 7.644.445đ (bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Truy thu từ bị cáo Đoàn H số tiền 7.644.445đ (bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án): Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Anh D và Đoàn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm tất cả các bị cáo có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên